

Số: 57 /2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 08 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng  
(trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan,  
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính  
phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;  
Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của  
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;  
Căn cứ Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc  
phạm vi tỉnh quản lý của tỉnh Phú Yên;  
Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ trình số 684/TTr-STC ngày 11 tháng  
3 năm 2024 và các Công văn: số 829/STC-GCS ngày 25 tháng 3 năm 2024, số  
2755/STC-GCS ngày 05 tháng 9 năm 2024).

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.
- Quyết định này không bao gồm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 và điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đối với đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, Ban An toàn giao thông tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý.
2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục I Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, Ban An toàn giao thông tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý.
2. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục II Quy định về mức giá xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, Ban An toàn giao thông tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý.
3. Giá mua xe ô tô quy định tại Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ số lượng, chủng loại, xe ô tô ban hành theo Phụ lục kèm theo Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thực hiện chế độ quản lý, sử dụng, mua sắm, điều chuyển xe chuyên dùng theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm rà soát, sắp xếp xe ô tô chuyên dùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm định tiêu chuẩn, định mức mua sắm, thanh lý, thu hồi, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 năm 2024.
2. Các Quyết định: số 47/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý; số 28/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đào tạo lái xe (xe tập lái, xe sát hạch) trên địa bàn tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Giám đốc Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Trần Văn*

**Nơi nhận:**

- Như khoản 3 Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, To, Thy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *Minh*



**Lê Tấn Hồ**



**PHỤ LỤC I**

**QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, BAN AN TOÀN GIAO THÔNG TỈNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI TỈNH QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 57 /2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Chủng loại	Mục đích sử dụng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>285 xe</b>		
<b>A</b>	<b>KHÓI TỈNH</b>	<b>240 xe</b>		
<b>1</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>05 xe</b>		
	Thanh tra Giao thông	04 xe	Xe thanh tra giao thông	Phục vụ tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông
		01 xe	Xe chở thiết bị cân xe lưu động	Phục vụ hoạt động chở thiết bị cân xe lưu động phục vụ kiểm soát tải trọng phương tiện cho Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động
<b>2</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>10 xe</b>		
2.1	Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Sao biển	03 xe	Xe ô tô tải hoặc xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	Phục vụ tổ chức biểu diễn, đưa đón cán bộ, diễn viên, thiết bị biểu diễn
2.2	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT	02 xe	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	Đưa vận động viên đi tập luyện và thi đấu
2.3	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	05 xe	Xe phát thanh truyền hình lưu động hoặc xe tải hoặc xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	Thông tin lưu động, chiếu bóng lưu động
<b>3</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>144 xe</b>		
	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Hướng nghiệp tỉnh	144 xe	Theo thông số kỹ thuật của xe ô tô tập lái, sát hạch (như kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều dài cơ sở của xe), có gắn biển hiệu nhận biết theo quy định	Đào tạo, sát hạch lái xe ô tô (xe tập lái, xe sát hạch)



<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Định mức (xe/đơn vị)</b>	<b>Chủng loại</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
<b>4</b>	<b>Ban An toàn giao thông tỉnh</b>	<b>01 xe</b>	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe thanh tra giao thông	Phục vụ An toàn giao thông của tỉnh
<b>5</b>	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh</b>	<b>03 xe</b>	Xe phát thanh truyền hình lưu động	Phát thanh, truyền hình lưu động
<b>6</b>	<b>Trường Cao đẳng Nghề</b>	<b>77 xe</b>	Theo thông số kỹ thuật của xe ô tô tập lái, sát hạch (như kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều dài cơ sở của xe), có gắn biển hiệu nhận biết theo quy định	Đào tạo, sát hạch lái xe ô tô (xe tập lái, xe sát hạch)
<b>B</b>	<b>KHỐI HUYỆN</b>	<b>45 xe</b>		
<b>1</b>	<b>UBND thành phố Tuy Hòa</b>	<b>16 xe</b>		
1.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh	02 xe	Xe phát thanh truyền hình lưu động hoặc xe tải	Phục vụ hoạt động tuyên truyền, thông tin lưu động
1.2	Phòng Quản lý đô thị	10 xe	Xe tải	Thực hiện quản lý nhà nước về trật tự đô thị, trật tự xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn thành phố
1.3	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ Công ích	04 xe	Xe tải, xe tải có cần cẩu, xe hút bùn	Phục vụ hoạt động trật tự đô thị; Phục vụ sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông; phục vụ hút bùn và tưới nước rửa đường
<b>2</b>	<b>UBND thị xã Đông Hòa</b>	<b>08 xe</b>		
2.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh	02 xe	Xe phát thanh truyền hình lưu động hoặc xe tải	Phục vụ hoạt động tuyên truyền, thông tin lưu động

TT	Tên đơn vị	Định mức (xe/đơn vị)	Chủng loại	Mục đích sử dụng
2.2	Phòng Quản lý đô thị	06 xe	Xe tải	Thực hiện quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, phục vụ hoạt động quy hoạch xây dựng, quản lý trật tự xây dựng,...
<b>3</b>	<b>UBND thị xã Sông Cầu</b>	<b>03 xe</b>		
3.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh	02 xe	Xe phát thanh truyền hình lưu động hoặc xe tải	Phục vụ hoạt động tuyên truyền, thông tin lưu động
3.2	Phòng Quản lý đô thị	01 xe	Xe tải	Phục vụ hoạt động quy hoạch xây dựng, quản lý trật tự xây dựng
<b>4</b>	<b>UBND các huyện (06 huyện)</b>	<b>18 xe</b>		
4.1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình	02 xe	Xe phát thanh truyền hình lưu động hoặc xe tải	Phục vụ hoạt động tuyên truyền, thông tin lưu động
4.2	Phòng Kinh tế hạ tầng	01 xe	Xe tải	Phục vụ hoạt động quy hoạch xây dựng, quản lý trật tự xây dựng





## PHỤ LỤC II

### QUY ĐỊNH VỀ MỨC GIÁ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, BAN AN TOÀN GIAO THÔNG TỈNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI TỈNH QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~54~~ /2024/QĐ-UBND ngày ~~08~~ /11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Loại xe	Giá mua xe tối đa/xe (đồng/xe)	Ghi chú
1	Xe ô tô tải	850.000.000	Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, Ủy ban nhân dân tỉnh được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý.
2	Xe ô tô con chuyên dùng đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô (kể cả lái xe)	950.000.000	
3	Xe ô tô trên 12 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi chuyên dùng đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô (kể cả lái xe)	1.300.000.000	
4	Xe ô tô trên 24 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi (kể cả lái xe)	1.400.000.000	
5	Xe ô tô từ 31 chỗ ngồi đến dưới 40 chỗ ngồi (kể cả lái xe)	1.600.000.000	
6	Xe ô tô từ 40 chỗ trở lên (kể cả lái xe)	2.900.000.000	
7	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt, xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	Theo giá thị trường từng chủng loại tại thời điểm mua sắm	